

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-ST  
Ngày: 15-01-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Thanh Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Chót
2. Ông Dương Văn Hai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2017/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn Trọng H (HA), sinh ngày 06-01-1993** tại tỉnh Bến Tre. Đăng ký thường trú: 132/3 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre; **Chỗ ở:** Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến tre, địa chỉ: ấp TA, xã TX, huyện BT, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị Bé H; bị cáo chưa có vợ; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 19 tháng 6 năm 2017, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên bị Tòa án nhân dân huyện P áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 14 tháng tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bến Tre, địa chỉ: ấp Tân An, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre, theo quyết định số 16/2017/QĐ-TA ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 33 ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Trọng H: Bà Lê Thị Mộng T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre.

Có mặt.

- Người bị hại: Nguyễn Văn L, sinh năm 1985. ĐKTT: 104/3 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

- Người làm chứng:

Phạm Thị Bé H, sinh năm 1963, ĐKTT: 132/3 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Nguyễn Thanh H, sinh năm 1959, ĐKTT: 132/3 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Trần Thị Á, sinh năm 1964, ĐKTT: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Đặng Văn S, sinh năm 1984, ĐKTT: 7/3 ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 10 tháng 4 năm 2017, sau khi đã uống rượu với một số người bạn, Nguyễn Văn Trọng H đi bộ đến quán của bà Trần Thị A (sinh năm 1964), tọa lạc tại ấp Phong, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre để mua rượu thì gặp anh Nguyễn Văn L (sinh năm 1985) và anh Đặng Văn S (sinh năm 1984), cùng ngụ ấp Phong, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre) đang chơi tại đây. H rủ anh S đánh bi da nhưng anh L kêu S về. Do cho rằng anh L không cho S chơi đánh bi da với H và nói rằng H còn nợ tiền S nhưng không trả nên H tức giận và nảy sinh ý định gây thương tích cho L. Để thực hiện ý định trên, H đi về nhà của mình lấy một con dao dài 34,5cm, có lưỡi bằng kim loại màu đen dài 20,4cm (dao của gia đình H thường dùng để làm cá) rồi đi bộ lại quán của bà A để tìm L nhưng không gặp. H rủ đi ra khỏi quán định về nhà thì thấy anh L đang điều khiển xe mô tô về hướng của H và dừng xe lại. Liên lúc này, H đi đến gần nơi anh L dừng xe, dùng dao chém hai cái trúng vào thái dương phải và vai phải của anh L. Bị chém, anh L xuống xe bỏ chạy thì bị H chém tiếp hai cái trúng vào vùng cằm và vùng cổ gáy anh L gây thương tích. Anh L tiếp tục bỏ chạy vào quán bà A để trốn và sau đó được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện P. Riêng Nguyễn Văn Trọng H, sau khi chém anh Nguyễn Văn L, H cầm dao đi về nhà, đến sáng hôm sau thì giao nộp hung khí cho cơ quan công an thu giữ. Qua điều tra, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng của vụ án được thu giữ: 01 (một) con dao có tổng chiều dài 34,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 20,4cm, nơi rộng nhất 5,4cm, mũi dao bằng, đầu lưỡi dao có một lỗ hình tròn đường kính 01cm, lưỡi dao có nhiều vết lõm; cán dao bằng gỗ màu xám dài 14,1cm, trên cán dao (nơi nối với lưỡi dao) có vết nứt (tét) dài 7,6cm.

Tại giấy chứng nhận thương tích số 644/CV-BV ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Trung tâm y tế huyện P, tỉnh Bến Tre ghi nhận tình trạng thương tích của Nguyễn Văn L lúc vào viện như sau:

- Vết thương vai (P) khoảng 08cm, sâu 01cm, bờ gọn.

- Vết thương thái dương (P) khoảng 07cm, sâu 0,5cm.

Từ trán (P) đến gò má đến đầu mày (P) đến khoeo mắt (P).

- Vết thương vùng cằm (T) dài khoảng 03cm, sâu khoảng 0,5cm, bờ gọn.

- Vết thương vùng cổ gáy khoảng 03cm, sâu 0,5cm, bờ gọn
- Mắt (P) sưng, bầm mi xung huyết kết mạc.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 145-617/TgT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn L là 14% (mười bốn phần trăm).

Trong quá trình điều tra, người bị hại Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Trọng H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với tổng số tiền là 21.600.000 đồng, bao gồm: thu nhập bị mất trong thời gian 03 tháng là 9.600.000 đồng và bồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền 12.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 35/KSĐT-TA, ngày 16-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Trọng H về “Tội cố ý gây thương tích” theo khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 104, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn Trọng H bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn L số tiền 21.600.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao có tổng chiều dài 34,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 20,4cm, nơi rộng nhất 5,4cm, mũi dao bằng, đầu lưỡi dao có một lỗ hình tròn đường kính 01cm, lưỡi dao có nhiều vết lõm; cán dao bằng gỗ màu xám dài 14,1cm, trên cán dao (nơi nối với lưỡi dao) có vết nứt (tét) dài 7,6cm.

Vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án huyện P theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/KSĐT-TA ngày 16-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Bị cáo Nguyễn Văn Trọng H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và có yêu cầu xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn L 12.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, đối với số tiền thu nhập bị mất bị cáo đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Trọng H đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố, các điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo, mặc dù bị cáo chưa thực hiện việc bồi thường cho người bị hại nhưng quá trình điều tra và tại tòa bị cáo có thiện chí bồi thường cho người bị hại, bị cáo không thực hiện được

việc bồi thường là do hoàn cảnh của bị cáo cũng như gia đình khó khăn, thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) nên yêu cầu cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị. Đối với trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn L 12.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần nên không có ý kiến, đối với số tiền thu nhập bị mất bị cáo đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét tới việc người bị hại chỉ nằm viện điều trị trong thời gian 10 (mười) ngày nên việc người bị hại yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập trong thời gian 03 (ba) tháng với số tiền 9.600.000 đồng là cao, mặt khác hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường phù hợp cho bị cáo.

Người bị hại Nguyễn Văn L về trách nhiệm hình sự đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 21.600.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn Trọng H nói lời sau cùng: bị cáo đã biết ăn năn, hối cải đối với hành vi của bị cáo, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Trọng H thừa nhận hành vi là xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân nhỏ nhặt nên vào khoảng 21 giờ ngày 10 tháng 4 năm 2017, tại ấp Phong, xã P, huyện P, tỉnh Bến Tre, bị cáo trong tình trạng có sử dụng rượu đã dùng dao chém 04 cái trúng vào vùng vai, vùng thái dương phải, vùng cằm trái và vùng cổ gáy của anh Nguyễn Văn L gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 14% (mười bốn phần trăm).

[3] Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 145-617/TgT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn L là 14% (mười bốn phần trăm).

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Trọng H đã đủ yếu tố cấu thành “Tội cố ý gây thương tích” theo khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[5] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Trọng H là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại một cách trái pháp luật, gây khó khăn trong cuộc sống sinh hoạt bình thường của người bị hại, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, tạo tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Khi thực hiện hành vi

phạm tội bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[6] Tuy nhiên, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: bị cáo Nguyễn Văn Trọng H trong quá trình điều tra và tại tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Do đó đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[7] Đối với việc người bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù quá trình điều tra và tại tòa bị cáo thể hiện thiện chí bồi thường cho người bị hại tuy nhiên từ khi bị cáo thực hiện hành vi cho đến nay bị cáo không thực hiện việc bồi thường cũng như không tác động để gia đình thực hiện việc bồi thường nên không có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Xét thấy bị cáo Nguyễn Văn Trọng H là người có nhân thân xấu, sau khi có hành vi gây thương tích cho người bị hại Nguyễn Văn L bị cáo còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên bị Tòa án nhân dân huyện P áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 14 tháng nên để có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng cần áp dụng hình phạt tù thật nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với tổng số tiền là 21.600.000 đồng, bao gồm: thu nhập bị mất trong thời gian 03 tháng là 9.600.000 đồng và bồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Trọng H đồng ý bồi thường cho người bị hại tiền tổn thất về tinh thần với số tiền 12.000.000 đồng; đối với tiền thu nhập bị mất bị cáo đồng ý bồi thường nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với bồi thường tổn thất về tinh thần bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại số tiền 12.000.000 đồng là phù hợp nên ghi nhận; đối với tiền mất thu nhập người bị hại yêu cầu bồi thường trong thời gian 03 tháng là 9.600.000 đồng. Xét thấy, nghề nghiệp của anh L là nghề móc dũa, lao động tay chân nên anh L yêu cầu tiền mất thu nhập trong thời gian 03 tháng là 9.600.000 đồng là phù hợp với Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận yêu cầu của người bị hại buộc bị cáo Nguyễn Văn Trọng H bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn L 21.600.000 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao có tổng chiều dài 34,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 20,4cm, nơi rộng nhất 5,4cm, mũi dao bằng, đầu lưỡi dao có một lỗ hình tròn đường kính 01cm, lưỡi dao có nhiều vết lõm; cán dao bằng gỗ màu xám dài 14,1cm, trên cán dao (nơi nối với lưỡi dao) có vết nứt (tét) dài 7,6cm.

Vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án huyện P theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/KSĐT-TA ngày 16-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp theo quy định tại phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Trọng H phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng: khoản 2 (thuộc trường hợp được quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 104, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Trọng H 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn Trọng H bồi thường cho người bị hại Nguyễn Văn L 21.600.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao có tổng chiều dài 34,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 20,4cm, nơi rộng nhất 5,4cm, mũi dao bằng, đầu lưỡi dao có một lỗ hình tròn đường kính 01cm, lưỡi dao có nhiều vết lõm; cán dao bằng gỗ màu xám dài 14,1cm, trên cán dao (nơi nối với lưỡi dao) có vết nứt (tét) dài 7,6cm.

Vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án huyện P theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/KSĐT-TA ngày 16-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P

4. Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án bị cáo Nguyễn Văn Trọng H thuộc diện hộ nghèo nên được miễn nộp.

Trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ khi nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Cao Thanh Minh**